TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/HNGĐ-PT
Ngày: 11-3-2021
V/v "*Tranh chấp ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Quang

Các Thẩm phán: Bà Vũ Ngọc Hà và bà Lê Thị Thái Lan;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thục Uyên - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên;

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên: Bà Trần Thị Thu Anh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 11 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 01/2021/TLPT-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2021 về việc *"Tranh chấp ly hôn"*.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 81/2020/HNGĐ-ST ngày 11 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 06/2021/QĐXXPT-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Đặng H, sinh năm 1986; Địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Phú Yên. (*Có mặt*)

2. *Bị đơn*: Anh Phan Q, sinh năm 1984; Địa chỉ: Thôn D, xã E, thành phố H, tỉnh Phú Yên. (*Có mặt*)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

3.1 Bà Đặng R, sinh năm 1972; 3.2 ông Đặng S, sinh năm 1949; 3.3 Ông Đặng N, sinh năm 1988; Cùng trú tại: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Phú Yên. (*Bà R, ông S, ông N đều vắng mặt*)

3.4 Bà Đặng L, sinh năm 1974; Trú tại: Thôn X, xã An N, huyện T, tỉnh Phú Yên. (*Vắng mặt*)

3.5 Ngân hàng NNVN- Chi nhánh Phú Yên; Địa chỉ: phường F, TP H, tỉnh Phú Yên; Do bà Trần D, cán bộ pháp chế đại diện theo ủy quyền, văn bản ủy quyền ngày 26/10/2020. (*Vắng mặt*)

3.6 Bà Phan T, sinh năm 1980 (*Vắng mặt*); 3.7 Bà Kiều B, sinh năm 1956 và ông Phan C, sinh năm 1950; (*Vắng mặt*); Cùng trú tại: Thôn D, xã E, thành phố H, tỉnh Phú Yên.

4. Người kháng cáo: Bị đơn anh Phan Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Đặng H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng H và anh Phan Q tự nguyện tìm hiểu và đi đến kết hôn có đăng ký kết hôn, được UBND xã E, TP. H cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2006. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung hạnh phúc một thời gian rồi phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp và mâu thuẫn từ chuyện làm ăn, nên thường xuyên cãi vã. Nay chị Đặng H thấy tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ để xây dựng hạnh phúc gia đình không được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, nên xin ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung là Phan Đặng H, sinh ngày 08-11-2007 và cháu Phan Đặng A, sinh ngày 15-7-2012. Hiện nay hai con chung đang ở với anh Phan Q, ly hôn chị Đặng H xin nhận nuôi cháu Hvà cháu A, không yêu cầu anh Phan Q cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Có 02 xe mô tô, 01 chiếc Sirius biển số 78C1-179.84 và 01 chiếc xe Lead biển số 78C1-486.45 do anh Phan Q đứng tên mua vào tháng 04/2018 chứ không phải như anh Phan Q trình bày là của bà B nhờ anh Phan Q đứng tên; Có 200 chậu quất lớn khoảng 02 năm tuổi, 400 chậu quất nhỏ khoảng 01 năm tuổi. Hiện tại chị Đặng H đang quản lý chiếc xe Sirius, anh Phan Q quản lý chiếc xe Lead. Chị Đặng H yêu cầu chia đôi giá trị 02 chiếc xe, giá trị chiếc xe Sirius là 11.000.000đ, xe Lead là 25.000.000đ; Xin chia phần giá trị cây quất 1.500.000đ và yêu cầu anh Phan Q trả 2.000.000đ do anh Phan Q mượn để thuê mặt bằng bán hoa.

Về nợ chung:

Nợ chị Đặng R 05 chỉ vàng y và 9.000.000đ; Nợ chị Đặng L 05 chỉ vàng y; Nợ ông Đặng S 14.000.000đ; Nợ ông Đặng N 18.000.000đ. Các khoản nợ này là nợ chung nên vợ chồng cùng trả.

Vợ chồng có vay của Ngân hàng NNVN- Chi nhánh Phú Yên 50.000.000đ về để giao cho cha mẹ anh Phan Q là ông Châu, bà B ở Liên Trì 2, Bình Kiến, TP. H sửa nhà. Khoản nợ này trách nhiệm trả nợ thuộc về cha mẹ anh Phan Q là ông Châu và bà B.

Đối với các khoản nợ phía anh Phan Q:

Nợ bà Phan T 75.000.000đ; Nợ của bà Kiều B 60.000.000đ, chị Đặng H không thừa nhận các khoản nợ này. Vào năm 2014, bà B có mượn của chị Đặng H 05 chỉ vàng y, đến năm 2018 bà B mượn tiếp 01 chỉ vàng y. Ngoài ra, bà B lấy chiếc nhẫn

của con gái chị Đặng H bán 1.050.000đ và vào tháng 3-2020 mượn chị 1.000.000đ. Nay chị Đặng H yêu cầu bà B trả cho chị 06 chỉ vàng y và 2.050.000đ, còn việc bà B trình bày đã trả 05 chỉ vàng y là không đúng.

Bị đơn anh Phan Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Thống nhất với lời trình bày của chị Đặng H. Nay chị Đặng H yêu cầu ly hôn, anh Phan Q đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Phan Đặng H, sinh ngày 08-11-2007 và cháu Phan Đặng A, sinh ngày 15-7-2012. Hiện nay hai con chung đang ở với anh Phan Q. Ly hôn anh Phan Q xin nhận nuôi cháu Hân và Anh, không yêu cầu chị Đặng H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Có 01 xe mô tô Sirius biển số 78C1-149.84 do anh đứng tên nhưng chị Đặng H đang quản lý. Còn 01 chiếc xe Lead biển số 78C1-486.45 do anh Phan Q đứng tên và quản lý, nhưng tiền mua xe do mẹ anh bỏ ra mua. Anh Phan Q thống nhất giá trị xe như chị Đặng H trình bày.

Phần cây quất cảnh: Có 100 chậu quất lớn khoảng 02 năm tuổi, 400 chậu quất nhỏ khoảng 01 năm tuổi, toàn bộ anh Phan Q quản lý. Anh Phan Q đồng ý hỗ trợ cho chị Đặng H 1.500.000đ và trả cho chị Đặng H 2.000.000đ tiền mượn thuê mặt bằng bán hoa.

Nợ chung: Nợ bà Đặng R 04 chỉ vàng y, nhưng không nợ 9.000.000đ như chị Đặng H trình bày; Thống nhất khoản nợ bà Đặng L 05 chỉ vàng y, ông Đặng S 14.000.000đ, ông Đặng N 18.000.000đ. Các khoản nợ này là nợ chung nên vợ chồng cùng trả.

Vợ chồng có vay của Ngân hàng NNVN– Chi nhánh Phú Yên 50.000.000đ về đầu tư trồng quất cảnh chứ không giao cho cha mẹ anh Phan Q như chị Đặng H trình bày. Khoản nợ này vợ chồng phải có trách nhiệm trả.

Nợ phía anh Phan Q: Nợ bà Phan T 75.000.000đ mượn để trồng quất; Nợ của bà B số tiền 60.000.000đ. Trách nhiệm vợ chồng phải trả nợ, vì nợ chung.

Anh Phan Q thừa nhận vợ chồng có cho mẹ anh là bà B mượn 05 chỉ vàng y, thời gian anh không nhớ và đến đầu tháng 02/2020 bà B có trả lại cho vợ chồng xong. Việc mượn vàng và trả hai bên không có giấy tờ gì cả vì mẹ con trong gia đình. Anh Phan Q không yêu cầu bà B trả 05 chỉ vàng nữa. Còn chị Đặng H trình bày có cho mẹ anh mượn 01 chỉ vàng y thì anh không biết. Đối với 05 chỉ vàng y vợ chồng anh cho bà B mượn là của vợ chồng. Việc bà B có lấy của con anh 01 chiếc nhẫn vàng tây và mượn của chị Đặng H 1.000.000đ thì anh không biết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Đặng R trình bày: Vào khoảng năm 2017, anh Phan Q có mượn của chị 05 chỉ vàng y và 9.000.000đ nhưng anh Phan Q chỉ thừa nhận 04 chỉ vàng y nên chị

yêu cầu anh Phan Q phải trả 04 chỉ vàng y, chị Đặng H không liên quan đến khoản nợ này.

Ông Đặng S trình bày: Vào khoảng năm 2017, anh Phan Q có mượn số tiền 14.000.000đ. Nay yêu cầu anh Phan Q phải trả nợ chứ không liên quan đến chị Đặng H.

Ông Đặng N trình bày: Có cho anh Phan Q mượn số tiền 18.000.000đ. Nay yêu cầu anh Phan Q phải trả nợ chứ chị Đặng H không liên quan gì.

Bà Đặng L trình bày: Vào khoảng năm 2014 có cho anh Phan Q mượn 05 chỉ vàng y. Nay yêu cầu anh Phan Q trả nợ chứ chị Đặng H không liên quan gì.

Bà Phan T trình bày: Vào khoảng năm 2017 đến 2019, vợ chồng chị Đặng H, anh Phan Q có mượn số tiền 75.000.000đ mượn để trồng quất. Nay bà Phan T yêu cầu chị Đặng H, anh Phan Q cùng trả số nợ trên.

Bà Kiều B trình bày: Vào khoảng năm 2016 vợ chồng chị Đặng H, anh Phan Q có mượn nhiều lần tổng số tiền 60.000.000đ. Nay yêu cầu vợ chồng Q, H cùng trả. Bà B thừa nhận cách đây khoảng 04 năm, bà có mượn của vợ chồng anh Phan Q, chị Đặng H 05 chỉ vàng y để chi tiêu gia đình. Đến tháng 02/2020 bà đã trả lại cho vợ chồng Q, H. Việc mượn tiền và trả nợ hai bên không có giấy tờ gì. Ngoài ra, bà không mượn của chị Đặng H 01 chỉ vàng y vào năm 2018 và lấy 01 chiếc nhẫn vàng tây và mượn 1.000.000đ như chị Đặng H trình bày. Nay chị Đặng H yêu cầu bà phải trả nợ 06 chỉ vàng y và trả 2.050.000đ bà B không đồng ý.

Đối với chiếc xe Lead biển số 78C1-586.45 do bà bỏ tiền ra mua nhưng nhờ anh Phan Q đứng tên, nên thuộc sở hữu của bà. Giá trị còn lại khoảng 25.000.000đ.

Bà B và ông Châu trình bày: Đối với khoản nợ của Ngân hàng NNVN - Chi nhánh Phú Yên 50.000.000đ là trách nhiệm trả nợ của vợ chồng anh Phan Q, chị Đặng H. Ông bà chỉ cho mượn sổ đỏ để bảo lãnh cho vợ chồng anh Phan Q vay.

Đại diện Ngân hàng trình bày: Vợ chồng anh Phan Q, chị Đặng H có vay của Ngân hàng 50.000.000đ, hiện nay còn nợ 50.000.000đ tiền gốc và 286.301đ tiền lãi. Khi vay, cha anh Phan Q là ông Châu giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0245 ngày 08/7/2003 do ông Châu đứng tên. Nay vợ chồng anh Phan Q, chị Đặng H ly hôn nên yêu cầu vợ chồng anh Phan Q, chị Đặng H trả khoản nợ trên.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 81/2020/HNGĐ-ST ngày 11 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố H đã áp dụng Điều 51, 56, 59, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng H được ly hôn với anh Phan Q;

Về con chung: Giao anh Phan Q trực tiếp nuôi cháu Phan Đặng H, sinh ngày 08/11/2007; Giao chị Đặng H trực tiếp nuôi cháu Phan Đặng A, sinh ngày 15/7/2012, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con;

Về tài sản chung: Bà Đặng H được quản lý sở hữu 01 xe mô tô Sirius biển số 78C1-149.84. Ông Phan Q được quản lý, sở hữu xe mô tô biển số 78C1-486.45, ông Phan Q phải chia cho bà Đặng H phần chênh lệch giá trị xe là 7.000.000đ; Phần quốc cảnh: Anh Phan Q giao chia cho chị Đặng H 3.500.000đ. Tổng cộng: Ông Phan Q phải giao chia cho chị Đặng H số tiền 10.500.000đ.

Về nợ chung:

Ông Phan Q, bà Đặng H mỗi người có trách nhiệm trả số nợ cho bà Đặng R 02 chỉ vàng y; Trả cho ông Đặng S số tiền 7.000.000đ; Trả cho ông Đặng N số tiền 9.000.000đ; Trả cho bà Đặng L 02 chỉ 05 phân vàng y.

Ông Phan Q, bà Đặng H mỗi người có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng NNVN- Chi nhánh Phú Yên số tiền 25.143.150đ;

Sau khi ông Phan Q, bà Đặng H trả xong khoản nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0245 ngày 08/7/2003 cho ông Châu;

Ông Phan Q phải có trách nhiệm trả nợ cho bà Phan T 75.000.000đ; Trả cho bà Kiều B số tiền 60.000.000đ*;*

Bà Kiều B phải trả cho bà Đặng H 2,5 chỉ vàng y;

Không chấp nhận yêu cầu của bà Đặng H đòi bà Kiều B trả cho 01 chỉ vàng y và 2.050.000đ vì không có căn cứ.

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Ngày 16/12/2020, bị đơn anh Phan Q có đơn kháng cáo yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn chị Đặng H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bị đơn và yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung;

Bị đơn anh Phan Q giữ nguyên yêu cầu kháng cáo về phần con chung, cung cấp chứng cứ về mức thu nhập ổn định và đơn trình bày nguyện vọng được ở với cha của các cháu Phan Đặng H và cháu Phan Đặng A;

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về vụ án: Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng đúng theo quy định của pháp luật. Về nội dung: Bị đơn cung cấp chứng cứ về mức thu nhập ổn định và đơn trình bày nguyện vọng của các cháu Phan Đặng H, Phan Đặng A muốn được ở với anh Phan Q, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật

tố tụng dân sự, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm về phần giao người trực tiếp nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, kết quả tranh luận của đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về yêu cầu kháng cáo của bị đơn Phan Q về quyền trực tiếp nuôi con chung:

Chị Đặng H và anh Phan Q có 02 người con chung là cháu Phan Đặng H, sinh ngày 08-11-2007 và cháu Phan Đặng A, sinh ngày 15/7/2012. Cháu Hân và cháu Anh đã trên 7 tuổi. Quá trình tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm cháu Hân và cháu Anh đều có đơn trình bày nguyện vọng được ở với cha là anh Phan Q. Tại phiên tòa phúc thẩm các cháu trực tiếp trình bày và gởi kèm theo đơn yêu cầu trình bày nguyện vọng của mình được ở với anh Phan Q. Đơn trình bày của các cháu Hân và Anh còn cho rằng lâu nay các cháu đã sinh sống ổn định tại nơi cư trú của anh Phan Q là thôn Liên Trì 2, xã Bình Kiến, thành phố H và hiện các cháu đang học tập tại Trường tiểu học Nguyễn Kim Vang và Trường Trung học cơ sở Nguyễn Hữu Thọ thuộc xã Bình Kiến, thành phố H.

Tòa cấp sơ thẩm căn cứ vào điều kiện thu nhập của anh Phan Q không ổn định và căn cứ vào điều kiện thu nhập của chị Đặng H có mức 6.000.000đ/tháng để giao anh Phan Q trực tiếp nuôi cháu Hân, giao chị Đặng H trực tiếp nuôi cháu Anh. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm anh Phan Q cung cấp chứng cứ có mức thu nhập ổn định 7.200.000đ/tháng. Hội đồng xét xử thấy việc giao cho chị Đặng H hoặc anh Phan Q trực tiếp nuôi con chung là cần thiết phải xem xét tất cả các điều kiện nhằm để bảo đảm quyền và lợi ích của các cháu được tốt nhất, nhưng phải trên cơ sở nguyện vọng của các cháu. Nhưng căn cứ Tòa sơ thẩm giao anh Phan Q nuôi cháu Hân, chị Đặng H nuôi cháu Anh là không phù hợp với điều kiện thực tế của anh Phan Q, chị Đặng H; Không phù hợp với điều kiện sinh sống, học tập của các cháu Hân, cháu Anh và không phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Phan Q, sửa bản án sơ thẩm, giao cho anh Phan Q được trực tiếp nuôi các cháu Phan Đặng H và Phan Đặng A.

[2] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3] Về án phí phúc thẩm: Yêu cầu kháng cáo của bị đơn được chấp nhận, nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015,

Sửa một phần bản án sơ thẩm về phần giao người trực tiếp nuôi con chung.

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30-12-2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng H được ly hôn với anh Phan Q.

2. Về con chung: Giao anh Phan Q được trực tiếp nuôi các cháu Phan Đặng H, sinh ngày 08-11-2007 và cháu Phan Đặng A, sinh ngày 15-7-2012; Chị Đặng H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở; Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung: Được giải quyết theo bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 81/2020/HNGĐ-ST, ngày 11/12/2020 của Tòa án nhân dân thành phố H.

4. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Được giải quyết theo bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 81/2020/HNGĐ-ST, ngày 11/12/2020 của Tòa án nhân dân thành phố H.

Án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn trả cho anh Phan Q 300.000đ do đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tại biên lai thu số số 0006974 ngày 11/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân cấp cao;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- TAND Tp H;
- Chi cục THADS Tp. H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Minh Quang